

Bản án số: 05/2024/KDTM-PT

Ngày: 26/4/2024.

V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quý My.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và bà Nguyễn Thị Thủy.
Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Ông Đỗ Quang Chung
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 13/2023/TLPT - KDTM ngày 30 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản.

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2023/KDTM-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên bị ngân hàng TMCP Q1 kháng cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 48/2024/KDTM-PT ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q1

Địa chỉ: Số B, L, phường L, quận H, TP ..

Đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Ngọc T, sinh năm 1973;

Chức vụ: Chuyên viên cao cấp xử lý nợ ngân hàng TMCP Q1, (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1976, (có mặt).

Chị Đinh Thị K, sinh năm 1980, (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ B, phường P, Thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải, bản án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ngân hàng TMCP Q1 chi nhánh T2 (viết tắt: Ngân hàng Q1) trình bày: Ngân hàng Q1 có ký 02 hợp đồng tín dụng với anh T1 và chị K cụ thể như sau:

Hợp đồng số 197 ngày 29/5/2015 số tiền vay 440.000.000 đồng mục đích vay mua xe ô tô, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 7,99%/ năm, áp dụng trong năm đầu tiên sau đó thay đổi theo quy định của ngân hàng tại từng thời điểm; Hợp

đồng số 648 ngày 25/11/2015 số tiền vay 250.000.000 đồng, Mục đích vay là mua xe ô tô, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 8%/ năm, áp dụng trong năm đầu tiên sau đó thay đổi theo quy định của ngân hàng tại từng thời điểm; Để đảm bảo cho khoản vay của hai hợp đồng trên anh T1 chị K có thể chấp 02 chiếc xe ô tô (01 xe tải có mui nhãn hiệu Thaco màu xanh, sản xuất năm 2015 BKS 20C- 074.74, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011430 do Công an tỉnh T cấp cho anh Nguyễn Văn T1 thế chấp theo hợp đồng thế chấp số (197); 01 xe tải có mui nhãn hiệu Foton màu xanh, sản xuất năm 2015 BKS 20C - 087.83, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016251 do Công an tỉnh T cấp cho anh Nguyễn Văn T1 thế chấp theo hợp đồng thế chấp số (648). Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh T1 chị K đã trả được 390.821.019 đồng gồm: gốc 303.200.000 đồng, tiền lãi 87.621.019 đồng sau đó anh T1 chị K không thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết, nên kể từ ngày 25/02/2017 khoản nợ gốc chuyển thành nợ quá hạn. Từ đó đến nay ngân hàng chưa thu hồi thêm được khoản nợ nào. Vì vậy, ngân hàng nộp đơn yêu cầu khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu giải quyết các vấn đề sau:

Buộc anh T1 và chị K thanh toán cho đến ngày 26/9/2023 gồm: Gốc 386.800.000 đồng, lãi trong hạn là 36.635.874 đồng, lãi quá hạn là 391.398.228 đồng và khoản lãi chậm trả lãi là 25.090.329 đồng.

Buộc anh T1 và chị K tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thoả thuận theo hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 26.9.2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp anh T1, chị K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên ngân hàng có quyền phát mại 02 tài sản bảo đảm. Anh T1 và chị K phải chịu mọi chi phí phát sinh trong quá trình tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía ngân hàng Q1 đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với anh T1 và chị K về phần lãi suất phạt chậm trả lãi tính đến ngày 03/6/2022 là 25.090.329 đồng và số tiền lãi phạt chậm trả lãi phát sinh.

Bị đơn anh T1 trình bày: Tôi có vay tiền của ngân hàng để làm ăn, khi vay có thể chấp 02 chiếc xe ô tô (01 xe tải có mui nhãn hiệu Thaco màu xanh BKS 20C - 074.74; 01 xe tải có mui nhãn hiệu Foton màu xanh BKS 20C -087.83). Hiện nay tôi được biết chiếc xe đang được giữ tại cơ quan Công an đang giữ là trái pháp luật, tôi đề nghị được lấy biên bản tạm giữ xe ô tô của cơ quan Công an huyện V để tôi lấy xe ra từ cơ quan Công an ra bán lấy tiền trả tiền cho ngân hàng. Tôi xác định có nợ ngân hàng và tôi hợp tác với ngân hàng để trả nợ theo thỏa thuận nêu trên.

Tôi vay gần 700 triệu và đã trả hơn 300 triệu. Tôi nhất trí trả nợ trên nhưng phải lấy được 02 chiếc xe ô tô ra theo quy định của pháp luật, thì tôi mới trả nợ cho ngân hàng.

Chị Đinh Thị K trình bày: Chị có được ký hợp đồng vay tiền với ngân hàng nhưng không nhớ cụ thể, mọi vấn đề do anh T1 quyết định, chị từ chối trình bày và từ chối tham gia giải quyết vụ án.

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2023/KDTM-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 228; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 351, Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 166, Điều 323, Điều 429 BLDS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí

Tuyên xử: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP Q1 về khoản tiền gốc.

1. Buộc anh T1 và chị K có trách nhiệm thanh toán trả ngân hàng TMCP Q2 tiền vay theo hợp đồng tín dụng số: 197 ngày 29/5/2015 và hợp đồng tín dụng số 648 ngày 25/11/2015 cụ thể như sau: Trả nợ gốc theo khế ước nhận nợ không số ngày 29/5/2015 là: 220.400.000 đồng; Khế ước nhận nợ số 01/2015 ngày 25/11/2015 là 166.400.000 đồng.

Tổng cộng là 386.800.000 đồng.

2. Nếu anh T1, chị K không thanh toán được khoản tiền nói trên, thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp là 01 chiếc ô tô BKS 20C-074.74 và 01 chiếc xe ô tô BKS 20C-087.83 để thu hồi nợ.

3. Bác yêu cầu khởi kiện đòi tiền lãi số tiền 428.034.102 đồng của ngân hàng TMCP Q1 đối với anh T1 và chị K.

4. Án phí: Anh T1, chị K phải chịu 19.340.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Ngân hàng TMCP Q1 phải chịu 21.121.300 đồng án phí KDTM nộp ngân sách Nhà nước, được trừ 17.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000469 ngày 12/12/2022 tại chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thái Nguyên.

5. Về chi phí tố tụng: Anh T1 và chị K phải chịu khoản tiền chi phí thẩm định tài sản là 3.000.000 đồng trả cho ngân hàng TMCP Q1.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền chậm trả. Trường hợp không thỏa thuận được về lãi suất chậm trả thì được xác định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Ngày 06/10/2023 nguyên đơn là ngân hàng Q1 kháng cáo một phần đối với bản án số: 08/2023/KDTM-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đề nghị sửa bản án sơ thẩm, buộc anh T1 và bà K phải thanh toán các khoản lãi trong hạn và lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết.

- Ngày 30/10/2023 bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 kháng cáo toàn bộ bản án số: 08/2023/KDTM-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm. Tuy nhiên anh T1 lại từ chối nhận thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm và không nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật, tại thông báo số 01/2023/TB-TA ngày 20/11/2023 Tòa án nhân dân Thành phố Thái Nguyên đã có thông báo trả lại đơn kháng cáo cho anh T1.

- Ngày 11/10/2023 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên đã có kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-KDTM kháng nghị đối với bản án số: 08/2023/KDTM-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, theo hướng buộc anh T1 và chị K phải thanh toán các khoản lãi trong hạn và lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết; ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của ngân hàng Q1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nêu trên;

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên kháng nghị và bổ sung kháng nghị về việc đình chỉ đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng Q1 về lãi suất phạt chậm trả lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đương sự T1 thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đương sự Khu chưa thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Chấp nhận kháng nghị của VKSND Thành phố Thái Nguyên, chấp nhận kháng nghị bổ sung của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên; chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, Áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS; [Nghị quyết 326/2016/NQ14-UBTVQH30](#) tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Sửa bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2023/KDTM-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Buộc anh T1 và chị K phải thanh toán các gốc và khoản lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP Q1 đối với anh T1 và chị K về phần lãi suất phạt chậm trả lãi tính đến ngày 03/6/2022 là 25.090.329 đồng và số tiền lãi phạt chậm trả lãi phát sinh.

Buộc bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Các bên đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản giữa ngân hàng thương mại với một bên là hộ gia đình cá nhân vay vốn để kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận được quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ tại phường P, TP T, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39-BLTTDS, thẩm quyền của Tòa án nhân dân TP Thái Nguyên thụ lý, giải quyết là đúng.

Nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên trong hạn luật định.

- Về thời hạn, thời hiệu khởi kiện:

Thời điểm ngân hàng biết việc quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm là thời điểm ngân hàng có đơn khởi kiện nộp tại Tòa án theo dấu công văn nhận đơn ngày 06/6/2022 (BL: 122-123).

Căn cứ thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 197 nêu trên thì tại mục 3 Điều 6 các bên đã thỏa thuận “Hợp đồng tín dụng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi bên B hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ cho bên A” và theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 648 nêu trên thì tại mục 6 Điều 18 các bên đã thỏa thuận “Hợp đồng cho vay này có hiệu lực kể từ ngày ký và chỉ hết hiệu lực sau khi bên B và hoặc bên bảo đảm đã trả cho bên A đầy đủ các khoản phải trả theo hợp đồng cho vay này hoặc hết hiệu lực theo thỏa thuận của các bên”. Do đó, 2 hợp đồng tín dụng nêu trên chưa kết thúc, các bên đang trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai, hòa giải giữa hai bên, phía anh T1 và chị K đều thể hiện rõ việc nhận trả nợ dần cho ngân hàng. Quyền và lợi ích của ngân hàng chưa bị xâm phạm nên yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429; điểm d, khoản 1, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015.

Bị đơn Khu vắng mặt lần thứ 2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Đinh Thị K.

[2] Về quan hệ tín dụng: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định:

Ngày 29/5/2015 ngân hàng Q1 ký hợp đồng tín dụng số 197 với anh T1 chị K, sau khi ký hợp đồng ngân hàng đã giải ngân cho anh T1 chị K vay số tiền là 440.000.000 đồng thời hạn vay 36 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 29/5/2015. Khi vay anh T1 và chị K có thể chấp để đảm bảo cho khoản vay là chiếc xe ô tô BKS 20C - 074.74.

Ngày 25/11/2015 ngân hàng Q1 và anh T1, chị K tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 648, sau khi ký hợp đồng ngân hàng đã giải ngân cho anh T1, chị K vay số tiền 250.000.000 đồng thời hạn vay 36 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 25/11/2015. Khi vay anh T1 chị K có thể chấp để đảm bảo cho khoản vay là chiếc xe ô tô BKS 20C - 087.83. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do anh T1 chị K vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh T1 chị K trả nợ gốc và lãi.

Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng Q1 đối với khoản tiền gốc và tiền lãi, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và lời trình bày của anh Nguyễn Văn T1 và chị Đinh Thị K thể hiện anh Nguyễn Văn T1 và chị Đinh Thị K còn nợ ngân hàng Q1 khoản tiền gốc theo khế ước nhận nợ tổng cộng 2 lần là 386.800.000 đồng.

Căn cứ vào đơn khởi kiện của ngân hàng Q1 đề ngày 05/6/2022 theo dấu công văn đến là ngày 06/6/2022.

Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng số 197/15/HĐCV/119-11, khế ước nhận nợ ngày 29/5/2015 thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 29/5/2015 và hợp đồng tín dụng số 648/15/HĐTD/114-11 ngày 25/11/2015, khế ước nhận nợ ngày 25/11/2015, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân ngày 25/11/2015.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh T1 và chị K vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc từ ngày 25/02/2017 ngân hàng đã chuyển sang toàn bộ khoản nợ sang quá hạn, tuy nhiên 2 hợp đồng tín dụng nêu trên chưa kết thúc, các bên đang trong quá trình thực hiện hợp đồng.

[3] Căn cứ pháp luật xác định thời hiệu khởi kiện thấy rằng:

+ Ngày 05/6/2022 ngân hàng Q1 làm đơn khởi kiện được Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên tiếp nhận ngày 06/6/2022 làm căn cứ xác định đã quá thời hạn 3 năm theo quy định tại Điều 429 BLDS mà không đối chiếu xem xét các điều khoản mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết là không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

+ Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm cho đến khi Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên ra bản án sơ thẩm không có bên nào yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu, do vậy thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại khoản 2 Điều 184 BLTTDS năm 2015.

Như vậy, việc Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xác định vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 BLDS năm 2015, để từ đó chỉ chấp nhận yêu cầu trả nợ gốc mà không chấp nhận yêu cầu trả nợ lãi của ngân hàng là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ vào đơn khởi kiện của ngân hàng Q1 đề ngày 05/6/2022, theo dấu công văn đến của TAND TP Thái Nguyên là ngày 06/6/2022, như vậy thời điểm phát sinh tranh chấp được xác định là ngày 06/6/2022 (*ngày TAND TP Thái Nguyên nhận được đơn khởi kiện của ngân hàng Q1*) theo quy định tại khoản 2 Điều 190 BLTTDS năm 2015.

Do thời điểm phát sinh tranh chấp sau ngày 01/01/2017, nên việc căn cứ để xác định thời hiệu khởi kiện phải tuân theo các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết.

Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp hợp đồng là 3 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết và phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm. Trường hợp đã hết thời hạn thực hiện hợp đồng nhưng bên có nghĩa vụ không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng thì thời điểm bắt đầu tính thời hiệu là ngày hợp đồng hết thời hạn thực hiện.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của BLDS thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, do đó ngân hàng Q1 có thể khởi kiện yêu cầu anh T1 và chị K trả nợ gốc mà không phụ thuộc vào việc

các bên có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án giải quyết vụ án hay không.

Song xét trong vụ án này, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 197 nêu trên thì tại mục 3 Điều 6 các bên đã thỏa thuận “hợp đồng tín dụng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi bên B hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ cho bên A”; và theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 648 nêu trên thì tại mục 6 Điều 18 các bên đã thỏa thuận “Hợp đồng cho vay này có hiệu lực kể từ ngày ký và chỉ hết hiệu lực sau khi bên B và hoặc bên bảo đảm đã trả cho bên A đầy đủ các khoản phải trả theo hợp đồng cho vay này hoặc hết hiệu lực theo thỏa thuận của các bên”.

Như vậy, theo hai thỏa thuận của các bên về nội dung hiệu lực của hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày các bên ký hợp đồng và chỉ hết hiệu lực sau khi bên B trả đầy đủ các khoản phải trả cho bên A theo hợp đồng cho vay này hoặc hết hiệu lực theo thỏa thuận của các bên. Trong trường hợp này, phía anh T1 và chị K chưa trả cả gốc và lãi cho ngân hàng nên chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng. Vì vậy, hợp đồng tín dụng chưa kết thúc, các bên đang trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Do đó cần buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Đinh Thị K phải thanh toán cho ngân hàng số tiền gốc và lãi phải trả theo hợp đồng đã ký kết là có căn cứ pháp luật.

Do đó, việc Tòa án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xác định vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 BLDS năm 2015 để bác yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả nợ lãi của ngân hàng Q1, đồng thời buộc ngân hàng Q1 phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, để từ đó chỉ chấp nhận yêu cầu trả nợ gốc, mà không chấp nhận yêu cầu trả nợ lãi của ngân hàng là chưa phù hợp với thỏa thuận mà các bên đã ký kết theo hợp đồng và quy định của pháp luật.

Ngoài ra tại thời điểm xét xử sơ thẩm Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc Hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng đang còn hiệu lực (đến ngày 31/12/2023). Tại công văn số 152/TANDTC-PC ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, xử lý nợ xấu hướng dẫn giải quyết.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng Q1 đối với khoản tiền gốc và tiền lãi, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ 2 hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và lời trình bày của anh Nguyễn Văn T1 chị Đinh Thị K thể hiện anh Nguyễn Văn T1 và chị Đinh Thị K còn nợ ngân hàng Q1 khoản tiền gốc theo khế ước nhận nợ của 2 hợp đồng là 386.800.000 đồng phía bị đơn nhất trí nhận nợ và phối hợp với ngân hàng để trả nợ xét cần được chấp nhận.

Về nợ lãi trong hạn 36.635.874 đồng, lãi quá hạn 391.398.228 đồng theo hợp đồng tín dụng số 197/15/HĐCV/119-11, khế ước nhận nợ ngày 29/5/2015 và hợp đồng tín dụng số 648/15/HĐTD/114-11 ngày 25/11/2015, khế ước nhận nợ ngày 25/11/2015 cùng các điều khoản kèm theo đã ký kết là có căn cứ chấp nhận như đã phân tích nêu trên.

Do đó, trong vụ án này, việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện về khoản tiền lãi suất theo 2 hợp đồng tín dụng và buộc ngân hàng Q1 phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là không phù hợp quy định của pháp luật.

+ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm buộc anh Nguyễn Văn T1 và chị Đinh Thị K phải thanh toán cho ngân hàng Q2 tiền lãi phát sinh từ ngày 27/9/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên tại 2 hợp đồng tín dụng số 197/15/HĐCV/119-11, khế ước nhận nợ ngày 29/5/2015 và hợp đồng tín dụng số 648/15/HĐTD/114-11 ngày 25/11/2015, khế ước nhận nợ ngày 25/11/2015 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ gốc này.

[5] Đối với tài sản thế chấp là 1 xe ô tô tải có mui nhãn hiệu Thaco màu xanh, sản xuất năm 2015 BKS 20C - 074.74, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011430 do Công an tỉnh T cấp cho anh Nguyễn Văn T1 đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 197 ngày 29/5/2015 và tài sản thế chấp là 01 xe ô tô tải có mui nhãn hiệu Foton màu xanh, sản xuất năm 2015 BKS 20C - 087.83, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016251 do Công an tỉnh T cấp cho anh Nguyễn Văn T1 đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 648 ngày 25/11/2015. Nội dung của hợp đồng thế chấp tài sản giữa anh T1 và chị K với ngân hàng xác định hai chiếc xe ô tô trên là tài sản thế chấp để bảo đảm cho toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản xác minh đối với hai chiếc xe trên thể hiện: 1 xe ô tô tải có mui nhãn hiệu Thaco màu xanh, sản xuất năm 2015 BKS 20C - 074.74, hiện đang được lưu giữ tại công an Thành phố B, 01 Chiếc xe ô tô BKS 20C - 087.83 hiện đang được lưu giữ tại Công an huyện V, tỉnh Thái Nguyên là tài sản anh T1, chị K thế chấp để bảo đảm cho hai khoản vay trên. Vì vậy, nếu trường hợp anh T1, chị K không thanh toán được khoản tiền nêu trên, thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là hai chiếc xe ô tô để thu hồi khoản tiền gốc theo 2 hợp đồng thế chấp và khế ước nhận nợ.

[6] Đối với yêu cầu rút một phần đơn khởi kiện của ngân hàng Q1 về lãi suất phạt chậm trả của ngân hàng Q1 đối với anh T1 và chị K, xét thấy là quyền tự định đoạt và tự nguyện nên cần chấp nhận yêu cầu rút một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không nhận định và quyết định khi tuyên án là thiếu sót, Tòa án cấp phúc thẩm cần bổ sung mới đầy đủ.

[7] Về án phí: H1 lại tiền tạm ứng án phí KDTM sơ thẩm và tạm ứng án phí phúc thẩm cho ngân hàng Q1, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Các đương sự không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

[8] Về chi phí tố tụng: Anh T1, chị K phải chịu khoản tiền chi phí thẩm định tài sản là 3.000.000 đồng trả cho ngân hàng Q1.

Ngoài ra, trong vụ án này Tòa án nhân dân Thành phố Thái Nguyên đã nhận định áp dụng Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 03/12/2012 của Tòa án nhân dân Tối Cao để giải quyết, trong khi nghị quyết này đã hết hiệu lực từ ngày 01/7/2016, do vậy cần sửa không áp dụng nghị quyết này để giải quyết.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thấy rằng:

- Kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 11/10/2023 của Viện

trưởng VKSND Thành phố Thái Nguyên viện dẫn căn cứ khoản 2 Điều 184 BLTTDS năm 2015 để đề nghị không áp thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự và cho rằng trong thời gian chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm không có đương sự nào có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp trong vụ án này để buộc anh T1 và chị K phải thanh toán khoản tiền lãi suất trong hạn và quá hạn theo thỏa thuận hợp đồng đã ký kết là phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên.

- Đối với phần bổ sung kháng nghị đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần tính lãi suất chậm trả lãi đã rút yêu cầu là có căn cứ cần chấp nhận.

[10] Xét kháng cáo nguyên đơn (ngân hàng Q1) kháng cáo một phần bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm buộc anh Trường và chị K phải thanh toán khoản tiền lãi suất trong hạn và quá hạn theo thỏa thuận đã ký kết là phù hợp với quy định của BLDS năm 2015 như đã phân tích nêu trên, do đó có đủ căn cứ pháp luật để chấp nhận kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều 284; Điều 309; khoản 2 Điều 190; Điều 157 và khoản 2 Điều 244; Điều 148; Điều 184; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 266, 271, 273, 280 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 144; 145; 147; 148; 149; 155; 357; 429; 466; 468; 299; 303; điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015. Điều 91, 95 [Luật các tổ chức tín dụng](#) Nghị định số 163/2006/NĐ - CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. [Nghị quyết 326/2016/NQ14-UBTVQH](#) ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Án lệ số 08/2016/AL.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên và kháng nghị bổ sung của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên và chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn là ngân hàng TMCP Q1, sửa bản án số 08/2023/KDTM-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

1. Buộc anh T1 và chị K có trách nhiệm thanh toán trả ngân hàng TMCP Q2 tiền vay theo hợp đồng tín dụng số: 197 ngày 29/5/2015 và hợp đồng tín dụng số 648 Ngày 25/11/2015 cụ thể như sau: Trả nợ gốc theo kế ước nhận nợ ngày 29/5/2015 là: 220.400.000 đồng; Kế ước nhận nợ ngày 25/11/2015 là 166.400.000 đồng; Số tiền lãi trong hạn là 36.635.874 đồng; Số tiền lãi quá hạn là: 391.398.228 đồng; Tổng cộng là: 814.834.102 đồng.

2. Trường hợp nếu anh T1 và chị K không thanh toán được khoản tiền nói trên, thì ngân hàng TMCP Q1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử

lý tài sản thế chấp là 01 chiếc ô tô BKS 20C-074.74 và 01 chiếc xe ô tô BKS 20C-087.83 để thu hồi nợ.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP Q1 đối với anh T1 và chị K về phần yêu cầu lãi suất phạt chậm trả lãi tính đến ngày 03/6/2022 là 25.090.329 đồng và số tiền lãi phạt chậm trả lãi phát sinh.

4. Án phí:

- Anh T1 và chị K phải chịu 36.445.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

- Hoàn trả lại cho ngân hàng TMCP Q1 17.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000469 ngày 12/12/2022 và 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí KDTM-PT theo biên lai thu số 0002091 ngày 18/10/2023 của chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thái Nguyên.

- Các bên đương sự không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

5. Về chi phí tố tụng: Anh T1 và chị K phải chịu khoản tiền chi phí thẩm định tài sản là 3.000.000 đồng trả cho ngân hàng TMCP Q1.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành số tiền trên thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại điều 6,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quý My

